

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn tranh chấp nuôi con
chung giữa chị M và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An

Đinh Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:
bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2024; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:89/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Vũ Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị M và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: : Chị Nguyễn Thị Hồng M và anh Vũ Quang T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 17/01/2013. Do hai bên không có tiếng nói chung nên năm 2013 đã làm đơn ra Tòa án nhưng rồi lại rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên đã ly thân 4 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Vũ Đức Anh T1 sinh ngày 11/8/2015 và Vũ Minh T2 sinh ngày 14/02/2018. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 2 con không yêu

cầu anh cấp dưỡng nuôi con cho chị vì suốt 4 năm ly thân chị nuôi con, mỗi năm thứ 4 anh mới chu cấp nuôi con với chị.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Chị có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt chị.

Anh **Vũ Quang T** vắng mặt tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh. Ông **Vũ Văn B** là bố đẻ anh đã xác nhận anh **T** và chị mình kết hôn có đăng ký tại **UBND xã X** ngày 17/01/2013. Anh chị mâu thuẫn do lối sống không hòa hợp, đã có lần làm đơn ra Tòa án **huyện X**. Anh chị đã ly thân 4 năm nay. Ông đã trao đổi trực tiếp với anh **T** thì anh nhất trí ly hôn nhưng do làm ăn không về Tòa án làm việc. Về con chung anh chị có 2 con chung là **Vũ Đức Anh T1** sinh ngày 11/8/2015 và **Vũ Minh T2** sinh ngày 14/02/2018. Các cháu đang ở với chị **M**. Anh **T** nhất trí để chị nuôi cả 2 con còn anh sẽ chu cấp nuôi con cùng chị **M** vì anh không muốn tách hai cháu ra. Về tài sản anh chị không liên quan gì đến gia đình ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng M** và anh **Vũ Quang T**. Con chung giao chị nuôi 2 con chung là 2 con chung là **Vũ Đức A** Tài sinh ngày 11/8/2015 và **Vũ Minh T2** sinh ngày 14/02/2018, chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh **Trung cấp d** nuôi con cho chị. Tài sản công nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Hồng M** và anh **Vũ Quang T** kết hôn tự nguyện và đăng ký tại **UBND xã X** nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân 4 năm nay. Chị xin ly hôn, anh cố tình lẩn tránh. Bố đẻ anh cung cấp thông tin anh nói đồng ý ly hôn nhưng không về Tòa án làm việc. Tuy nhiên chị kiên quyết ly hôn, anh chị không thể có tiếng nói chung nên có níu kéo nhau thì mục đích hôn nhân vẫn không đạt được. Xét thấy chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[2]. Về con chung: Các con đang ở với chị và cả cháu **T1** có đơn xin ở với chị, chị xin nuôi con không yêu cầu anh cấp dưỡng, chính quyền địa phương cũng đề nghị nên để chị nuôi 2 con thì tốt hơn cho các cháu. Do đó chấp nhận đề nghị của chị giao cả 2 con cho chị nuôi và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị **M** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hồng M** và anh **Vũ Quang T**.

2. Về con chung: Giao chị **M** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Vũ Đức Anh T1** sinh ngày 11/8/2015 và **Vũ Minh T2** sinh ngày 14/02/2018; chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **T** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị **M** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số **0000211** ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường;

4. Về quyền kháng cáo: Chị **M**, anh **T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quỳnh